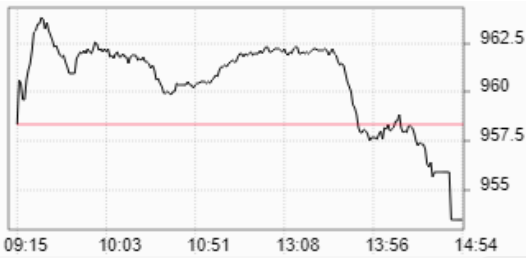
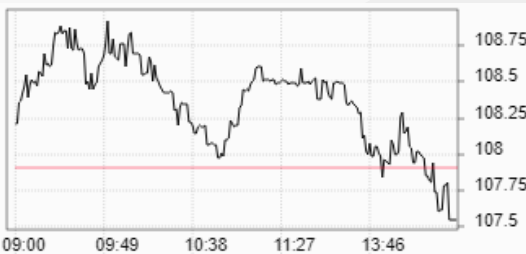



VN-INDEX


Giá trị đóng cửa	953,51
Biến động (%)	0,51%
Khối lượng (triệu CP)*	147,5
Giá trị (tỷ đồng)*	3.642,6
SLCP tăng giá	110
SLCP giảm giá	183
SLCP đứng giá	47

*Khối lượng và giá trị đã tính cả giao dịch thỏa thuận

HNX-INDEX


Giá trị đóng cửa	107,55
Biến động (%)	0,51%
Khối lượng (triệu CP)*	40,08
Giá trị (tỷ đồng)*	466,15
SLCP tăng giá	60
SLCP giảm giá	85
SLCP đứng giá	59

*Khối lượng và giá trị đã tính cả giao dịch thỏa thuận

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- ✓ Phiên giao dịch đầu tuần thị trường mở đầu trong sắc xanh bao phủ. Việc các thị trường chứng khoán thế giới đồng loạt khởi sắc phần nào tác động tích cực tới tâm lý nhà đầu tư trong nước. Các nhóm ngành ngân hàng và dầu khí thu hút dòng tiền ngay từ đầu phiên kéo các chỉ số bật tăng. Hoạt động giao dịch tích cực được giữ đến giữa phiên chiều trước khi áp lực bán xuất hiện kéo thị trường dừng lại ở mức thấp nhất ngày. Đóng cửa VN-Index giảm 0,51% xuống còn 953,51 điểm, HNX-Index cũng giảm 0,51% xuống 107,55 điểm.
- ✓ Nhóm ngân hàng giao dịch khởi sắc sau ngay từ đầu tuy nhiên không giữ được trạng thái này cho đến cuối phiên và phần lớn đóng cửa giảm. VPB (-2,72%), VCB (-1,04%), STB (-3,72%), CTG (-1,01%), ACB (-0,65%), TCB (-0,69%),... trong đó VCB giảm xuống còn 57.100 đồng trở thành cổ phiếu lấy đi nhiều điểm số nhất của VN-Index. Bên cạnh đó, các cổ phiếu giữ được sắc xanh trong nhóm bao gồm: BID (+1,16%), HDB (+0,55%), TPB (+0,61%), MBB (+0,48%),...
- ✓ Các cổ phiếu bluechips diễn biến phân hóa và ảnh hưởng trái chiều tới chỉ số. Ở chiều tích cực, VCS (+3,38%) tăng phiên thứ 2 liên tiếp lên mức 76.500 đồng sau chuỗi giảm điểm đóng góp nhiều nhất điểm số cho HNX-Index. Trên sàn HOSE, BHN (+3,88%), SAB (+0,91%), NVL (+1,43%), VRE (+1,12%),... là các cổ phiếu đóng cửa tăng điểm và có ảnh hưởng tốt tới VN-Index. Ngược lại xuất hiện khá nhiều nhân tố (VJC -2,27%, PNJ -2,59%, 2,22%, VNM -0,79%, HPG -1,6%, MWG -0,32%,...) chịu áp lực bán và đóng cửa giảm làm thị trường đánh mất đà tăng.
- ✓ Cùng với thị trường, các cổ phiếu chứng khoán (HCM -6,39%, VCI -3,81%, VND -6,8%, MBS -3,55%, CTS -1,95%, 0,5%,...) cũng có 1 phiên giao dịch đầy biến động và đóng cửa chìm trong sắc đỏ. Đặc biệt cổ phiếu VND bị bán giảm sàn về mức giá 18.500 đồng với khối lượng khớp lệnh lên đến 2,9 triệu đơn vị do kết quả lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó FTS trở thành điểm sáng hiếm hoi trong nhóm khi ngược dòng tăng 1,54% lên mức 16.500 đồng.
- ✓ Các cổ phiếu dầu khí không có được trạng thái giao dịch tốt nhất mặc dù giá dầu thế giới có dấu hiệu hồi phục. PLX (-2,58%), PVD (-1,6%), PVB (-3,4%), PXS (-6,78%),... là các cổ phiếu đóng cửa giảm điểm trong khi GAS và PVT dừng lại ở mốc tham chiếu. Bên cạnh đó vẫn còn một số đại diện giữ được đà tăng nhẹ như: BSR (1,2%), PVS (+0,48%), OIL (+0,68%),...
- ✓ Thanh khoản trên sàn HOSE có sự sụt giảm so với phiên cuối tuần trước khi ghi nhận hơn 3.600 tỷ đồng. Trong đó phần khớp lệnh thỏa thuận chiếm hơn 600 tỷ đồng.
- ✓ Khối ngoại bán ròng hơn 45 tỷ đồng trên cả 2 sàn trong phiên hôm nay. VJC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất trong khi họ tập trung mua ròng BID, PVS và HBC.

Tình hình giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài ngày 22/10 được tổng hợp chi tiết [tại đây](#).


THEO DÕI KHUYẾN NGHỊ MUA

Ngày khuyến nghị	Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hiệu quả đầu tư	Ngày chốt dự kiến	Ghi chú
01-08-2018	HPG	50	—	37.6	40.1	6.65%	05-06-2019	
01-08-2018 11-09-2018	SBA	18	—	14.6	14.1	-3.42%	05-06-2019	
03-08-2018	VJC*	162	140	148	129	-4.00%	19-10-2018	Cắt lỗ tại giá 140.000đ
07-08-2018	GIL	56	36	45.8	37.3	11.57%	18-12-2018	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:37 ngày 18/9/2018
08-08-2018	VSC	52.3	41	40.3	41.2	4.71%	28-11-2018	Cổ tức 1.000đ/cp ngày 27/8/2018
20-08-2018	VNS	20	14	15.7	18.2	15.92%	12-11-2018	
10-09-2018	HAX	20	14.7	16	15.8	-1.25%	05-11-2018	
11-09-2018	NDN	17	13.5	14.5	15.7	8.28%	30-10-2018	
17-09-2018	BSR	20	16.5	17	16.9	-0.59%	10-12-2018	
18-09-2018	NKG	16.5	12.7	13.7	13	-5.11%	30-10-2018	
20-09-2018	NT2	32	23.7	26.6	23.9	-4.51%	15-11-2018	Trả cổ tức 1.500đ/cp ngày 20/9/2018
25-09-2018	PNJ	112	100	103.5	101.5	-1.93%	23-10-2018	
10-10-2018	ITD	18	11.1	13.35	11.6	-6.37%	21-11-2018	Trả cổ tức 900đ/cp ngày 12/10/2018



TIN TỨC VÀ NHẬN ĐỊNH

Ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục cuộc đua tăng lãi suất

Động thái tăng lãi suất của nhóm ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước gần đây gây sự chú ý cho thị trường, trước đó nhóm này luôn duy trì mặt bằng lãi suất tiền gửi khá ổn định trong suốt thời gian dài.

Cả 4 ông lớn NHTM Nhà nước là Vietcombank, Agribank, Vietinbank và BIDV gần đây đều tăng lãi suất huy động lên mặt bằng mới. Điều này khiến thị trường đặc biệt chú ý, nhất là trong bối cảnh mặt bằng lãi suất đang ngày càng chịu nhiều áp lực trong thời gian gần đây.

Tại Vietcombank, khung lãi suất tiền gửi mới điều chỉnh tăng thêm 0,1 điểm phần trăm ở kỳ hạn 1 và 2 tháng, lên 4,4%, kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng tăng thêm 0,2 điểm phần trăm lên tương ứng 4,8% và 5,5%. Đây là lần điều chỉnh thứ 2 liên tiếp trong vòng 2 tháng ngắn ngủi vừa qua của ngân hàng này, khi trước đó vào tháng 9, Vietcombank cũng đã tăng 0,2 điểm phần trăm ở kỳ hạn 1, 2 và 6 tháng, đồng thời tăng 0,1 điểm phần trăm ở các kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

BIDV cũng mới tăng thêm 0,2 điểm phần trăm ở các kỳ hạn 1-2 tháng lên 4,5%, 5 tháng lên 5,0% và 6 tháng lên 5,5%, đặc biệt là kỳ hạn 3 tháng tăng mạnh 0,4 điểm phần trăm lên 5,0%. Đây cũng là lần tăng thứ 2 của BIDV sau đợt điều chỉnh gần nhất hồi cuối tháng 8 vừa qua.

Diễn biến tương tự cũng xảy ra tại Vietinbank, sau lần tăng cuối tháng 8 thì mới đây, ngân hàng này cũng có lần tăng thứ 2 chỉ sau 2 tháng, với mức tăng đều là 0,2 điểm phần trăm ở các kỳ hạn từ 1- 8 tháng. Khung lãi suất mới nhất của Agribank cũng chứng kiến mức tăng 0,2 điểm phần trăm ở các kỳ hạn từ 6 tháng trở xuống, lên mốc tương đương với 3 ngân hàng trên.

Theo nhiều chuyên gia nhận định, hoạt động tăng lãi suất của 4 NHTM Nhà nước trong thời gian gần đây xuất phát từ một số nguyên nhân.

Đầu tiên, mặt bằng lãi suất của 4 ngân hàng trên đã duy trì ở mức thấp nhất so với thị trường suốt một thời gian dài, và trong bối cảnh hàng loạt ngân hàng TMCP gần đây đã tăng lãi suất lên đáng kể so với giai đoạn trước, trong đó không chỉ những ngân hàng nhỏ mà còn có những tên tuổi lớn Techcombank, SHB, ACB, MB hay VPBank, thì nhóm NHTM Nhà nước buộc phải điều chỉnh theo để đảm bảo duy trì sức cạnh tranh.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh lạm phát đang dâng lên, cũng như áp lực trong năm 2019, mà theo nhiều dự báo cho rằng khó tiếp tục giữ được mục tiêu 4%. Như vậy, lãi suất các ngân hàng này cũng phải tăng theo để đảm bảo lãi suất thực dương đủ cao cho người gửi tiền. Cụ thể, nếu như trước đây mục tiêu lạm phát là tối đa 4%, thì lãi suất các ngân hàng này chỉ cần duy trì 4.1-4.2%/năm đối với kỳ hạn 1 tháng là cao hơn lạm phát, nhưng với dự báo lạm phát thời gian tới sẽ vượt mốc 4% thì dĩ nhiên lãi suất của nhóm này cũng phải tăng lên vùng 4.4 - 4.5%/ năm ở kỳ hạn 1 tháng, cũng như tăng tương ứng tại các kỳ hạn khác thì mới đảm bảo quyền lợi về mặt tâm lý cho người gửi tiền.

Việc tăng lãi suất là dấu hiệu cho sự chững lại của thời kỳ tín dụng giá rẻ. Lãi suất tăng gây áp lực lớn đến những thành phần kinh tế sử dụng nhiều nợ để hoạt động. Những doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy cao nhất lại hầu hết thuộc nhóm ngành bất động sản, tài chính, vật liệu, hạ tầng & xây dựng, nông nghiệp & thủy hải sản, ..., nhóm mà có thể nói là "dễ tổn thương" nhất khi có biến động về kinh tế vĩ mô xảy ra.

Thặng dư thương mại của Việt Nam đã tăng lên 6,33 tỷ USD

Theo Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu, nhập khẩu (XNK) của Việt Nam trong nửa đầu tháng 10/2018 chỉ đạt 20,32 tỷ USD, giảm 2,1% (giảm 443 triệu USD) so với nửa cuối tháng 9. Tuy nhiên, cán cân thương mại hàng hóa lũy kế đến nay đã đạt 6,33 tỷ USD.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 10,18 tỷ USD, giảm 6,2% (giảm 667 triệu USD). So với nửa cuối tháng 9/2018, một số mặt hàng giảm mạnh là điện thoại các loại và linh kiện, giảm 12,5% (giảm 303 triệu USD); hàng dệt may giảm 4,9% (giảm 67 triệu USD); xăng dầu các loại giảm 55% (giảm 51 triệu USD).

Trong khi xuất khẩu giảm, cơ quan hải quan ghi nhận kim ngạch nhập khẩu đạt 10,14 tỷ USD, tăng 2,3% (tăng 224 triệu USD) so với 15 ngày cuối tháng 9. Một số mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 5,5% (tăng 98 triệu USD), chất dẻo nguyên liệu tăng 11,3% (tăng 41 triệu USD).

Mặc dù kim ngạch XNK nửa đầu tháng 10 có giảm, nhưng tính chung đến hết ngày 15/10, tổng trị giá XNK hàng hóa cả nước đạt 372,87 tỷ USD, tăng 13,9% (tăng 45,4 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, tổng trị giá xuất khẩu đạt 189,6 tỷ USD, tăng 15,6% (tăng 25,6 tỷ USD); tổng trị giá nhập khẩu đạt 183,27 tỷ USD, tăng 12,1% (tăng 19,8 tỷ USD).

Với kết quả này, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam từ đầu năm đến hết ngày 15/10/2018 tiếp tục thặng dư, với mức 6,33 tỷ USD.

Trong đó khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI) vẫn nắm vai trò chủ đạo trong hoạt động XNK, khi đạt kim ngạch 243,89 tỷ USD, tăng 13,9% (tăng 29,78 tỷ USD) so với cùng kỳ. Cán cân thương mại hàng hóa của khối DN FDI đạt mức thặng dư 24 tỷ USD./.


BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH 9 THÁNG 2018

MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	DOANH THU 9T2018	% so với 9T2017	%DT so với KH	LN 9T2018	%LN so với 9T2017	%LN so với KH
CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương	HOSE	474 tỷ đ	+151%	129.9%	LNST: 148,6 tỷ đ	+100%	114%
HHG	Công ty Cổ phần Hoàng Hà	HNX	190 tỷ đ	-30%	57.0%	LNST: 3,7 tỷ đ	-89%	16%
LPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt	UPCoM				LNTT: 1.014 tỷ đ	-29%	85%
VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	UPCoM	3.530 tỷ đ	+50%	0.0%	LNTT: 1.720,5 tỷ đ	+176%	86%
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	20.737 tỷ đ	+14%	74.0%	LNST: 1.192 tỷ đ	0%	79%
GAS	Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	HOSE	56.614 tỷ đ	+19%	101.6%	LNST: 9.082 tỷ đ	+50%	141%
HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh	HOSE	1.947,7 tỷ đ	+124%	92.3%	LNST: 603.3 tỷ đ	+64%	74%
LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HOSE	295,52 tỷ đ	+65%	61,8%	LNST: 135,3 tỷ đ	+148%	106,1%
NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	2.740,5 tỷ đ	+67,44%	71.1%	LNST: 748,4 tỷ đ	+61%	103%
NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	5.650,77 tỷ đ	+21%	81.0%	LNST: 528,6 tỷ đ	+7,7%	70,5%
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	HOSE	10.507,74 tỷ đ	+35%	76,5%	LNST: 694,4 tỷ đ	+37,8%	78,7%
RDP	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	HOSE	967,29 tỷ đ	+3%	64,5%	LNST: 10,38 tỷ đ	-68%	20,8%
VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	HOSE	1.414,3 tỷ đ	+41%	80.8%	LNST: 691,3 tỷ đ	+46%	84%
VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco	HOSE	1.159,78 tỷ đ	+23%	90.3%	LNTT: 92,7 tỷ đ	-0,8%	76%
BGW	Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang	UPCoM	90,2 tỷ đ	+7,3%	75.2%	LNST: 3,89 tỷ đ	+8,3%	61%
BTS	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	HNX	2150 tỷ đ	-4,3%	67.3%	LNST: 17,8 tỷ đ	+4123%	101%
CIG	Công ty Cổ phần COMA 18	HOSE	23,8 tỷ đ	+17,8%	20.7%	LNST: 10,7 tỷ đ	+494,4%	39%
GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	HNX	104,6 tỷ đ	-0,6%	53.6%	LNST: 4,3 tỷ đ	-65,9%	45%
HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	HNX	7,3 tỷ đ	+2,8%	50.0%	LNTT: 1,6 tỷ đ	-20%	53%
HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	627,8 tỷ đ	+7,4%	570.7%	LNTT: 8,2 tỷ đ	-60,2%	8%
HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	131,6 tỷ đ	+5,1%	84.7%	LNST: 38,8 tỷ đ	+22,4%	111%
ICG	Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng	HNX	142,2 tỷ đ	+1085%	49.5%	LNST: 6,5 tỷ đ	+16520%	16%
KSD	Công ty Cổ phần Đầu tư DNA	HNX	1135 tỷ đ	+10%	77.4%	LNST: 82,7 tỷ đ	+0,6%	75%
LCD	Công ty Cổ phần Lắp máy Thí nghiệm Cơ Điện	HNX	42 tỷ đ	-48,2%	60.0%	LNTT: 1,2 tỷ đ	-58,6%	57%
NBC	Công ty Cổ phần Than núi Béo – Vinacomin	HNX	1552,1 tỷ đ	+44,3%	81.1%	LNTT: 39,7 tỷ đ	+45,4%	134%
NSC	Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Trung Ương	HOSE	1057,7 tỷ đ	+8%	65.1%	LNST: 156,4 tỷ đ	+9,7%	61%
TMG	Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	UPCoM	659,4 tỷ đ	+11,6%	72.0%	LNST: 110,9 tỷ đ	-8,1%	0%
TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	3165,8 tỷ đ	+63,3%	96.6%	LNTT: 50,7 tỷ đ	+177%	123%
TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	338,4 tỷ đ	+24,8%	0.0%	LNTT: 127,9 tỷ đ	+0,24%	97%
VAF	Công ty Cổ phần Phân lân Nung Cháy Văn Điển	HOSE	835 tỷ đ	-8,6%	87.9%	LNTT: 61,4 tỷ đ	+21,3%	104%
VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HOSE	1.196,9 tỷ đ	+35,9%	64.7%	LNST: 330 tỷ đ	-2,9%	49%
VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	HOSE	1320 tỷ đ	-14,8%	43.3%	LNST: 54,8 tỷ đ	+124,4%	77%



AFX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	UPCoM	643,5 tỷ đ	-4,4 tỷ đ	57.8%	LNST: 5,9 tỷ đ	-72,8%	34%
AGM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	HOSE	1652,7 tỷ đ	-6,7%	92.4%	LNST: 19,1 tỷ đ	+124,7%	119%
C92	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	HNX	105,8 tỷ đ	-14,6%	42.3%	LNST: 822,5 triệu đ	-29,7%	41%
CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HOSE	325,7 tỷ đ	+113%	75.7%	LNST: 31,7 tỷ đ	+14%	88%
DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An	HNX	93,7 tỷ đ	-24,8%	39.9%	LNST: 112,2 triệu đ	-88,8%	3%
GHC	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	UPCoM	112,8 tỷ đ	+0,4%	76.2%	LNST: 73,6 tỷ đ	-6,5%	85%
HMC	Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL	HOSE	2867,7 tỷ đ	+41,5%	87.5%	LNST: 72,4 tỷ đ	+62%	181%
HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	HOSE	6059,6 tỷ đ	+1,3%	72.7%	LNST: 553,8 tỷ đ	+37%	77%
IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	HOSE	810,1 tỷ đ	+7,9%	57.9%	LNST: 124,3 tỷ đ	+12%	65%
KVC	Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	HNX	474,7 tỷ đ	+9,9%	73.0%	LNST: 12,5 tỷ đ	-45,4%	39%
L43	Công ty Cổ phần Lilama 45.3	HNX	90,2 tỷ đ	-60,1%	22.0%	LNST: 44 triệu	-89,6%	4%
LUT	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài	HNX	295,7 tỷ đ	+220,4%	84.5%	LNST: 1,7 tỷ đ	+105,5%	2%
NBT	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	UPCoM	125,6 tỷ đ	+7,1%	77.4%	LNST: 34 tỷ đ	+26%	105%
PBP	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	HNX	157,8 tỷ đ	+15%	48.4%	LNST: 4,9 tỷ đ	-35,5%	67%
PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	448,3 tỷ đ	-59%	22.4%	LNST: 345,6 tỷ đ	+44%	54%
QNW	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi	UPCoM	43,3 tỷ đ	+4,3%	67.7%	LNST: 5,5 tỷ đ	+10%	110%
RTB	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	UPCoM	360,5 tỷ đ	+35,2%	146.9%	LNST: 170,1 tỷ đ	-16,7%	2887%
SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	HOSE	2275 tỷ đ	+135,6%	108.3%	LNST: 32,5 tỷ đ	-38%	97%
SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	HOSE	1065,7 tỷ đ	+9,3%	0.0%	LNST: 33,2 tỷ đ	-11,2%	86%
SMA	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn	HOSE	335,5 tỷ đ	+18,3%	111.8%	LNST: 21,5 tỷ đ	+3483%	105%
SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	HNX	385,2 tỷ đ	+8,4%	98.8%	LNST: 12,3 tỷ đ	+23%	103%
STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế kỷ	HOSE	1780,9 tỷ đ	+24,4%	75.7%	LNST: 131,4 tỷ đ	+96,4%	104%
TDM	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	UPCoM	201,8 tỷ đ	+45,4%	62.4%	LNST: 90,7 tỷ đ	+124,5%	68%
TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	559 tỷ đ	+9,4%	76.3%	LNST: 10,5 tỷ đ	+22,1%	82%
TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	626,8 tỷ đ	+15,8%	128.3%	LNST: 319,5 tỷ đ	+31%	152%
BSL	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	UPCoM	624,1 tỷ đ	-1,4%	34.4%	LNST: 23,4 tỷ đ	-28,4%	80%
GSM	Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	UPCoM	94 tỷ đ	-8,1%	75.8%	LNST: 17 tỷ đ	-31,7%	156%
TET	Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc	HNX	29,2 tỷ đ	+6,6%	81.1%	LNST: 13,9 tỷ đ	-18,2%	174%
VE3	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	HNX	27,3 tỷ đ	-18,3%	42.0%	LNST: 465,2 triệu đ	-46,5%	18%
VEC	Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	UPCoM	31,7 tỷ đ	-79,7%	11.6%	LNST: 7,5 tỷ đ	-8,5%	53%
BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương	HOSE	177,9 tỷ đ	+51%	34.0%	LNST: 17 tỷ đ	-1,2%	42%
BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	66 tỷ đ	-66,1%	38.2%	LNST: 8,1 tỷ đ	+3,8%	62%



CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	HNX	252,7 tỷ đ	+22,6%	95.7%	LNST: 11,4 tỷ đ	+8,6%	89%
CSV	Công Ty Cổ Phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	HOSE	907,8 tỷ đ	+14,4%	66.7%	LNTT: 237,3 tỷ đ	+11,7%	84%
DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	1116,4 tỷ đ	+17%	67.7%	LNST: 34,1 tỷ đ	+93,8%	78%
DNN	Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng	UPCoM	370,9 tỷ đ	+12,5%	75.7%	LNST: 99 tỷ đ	+27,1%	110%
DRI	Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	UPCoM	368,7 tỷ đ	-10,9%	53.9%	LNST: 24,8 tỷ đ	-75%	12%
DXV	Công ty cổ phần VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	HOSE	244.4 tỷ đ	+8,96%	61.9%	LNST: 160 triệu đ	-96,3%	3%
GMX	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	HNX	178.4 tỷ đ	+15,2%	78.9%	LNST: 16,3 tỷ đ	+5,2%	79%
HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	3315,8 tỷ đ	+18,1%	64.0%	LNST: 69,3 tỷ đ	+3,4%	60%
HLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long	HOSE	405 tỷ đ	-16,5%	15.6%	LNST: 58,8 tỷ đ	-37,6%	61%
HPI	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước	UPCoM	576,4 tỷ đ	+62,2%	101.1%	LNST: 48,7 tỷ đ	-12,9%	67%
PWS	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên	UPCoM	72,4 tỷ đ	+6,8%	69.6%	LNTT: 17,4 tỷ đ	+27,9%	158%
SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HOSE	441,4 tỷ đ	+1,9%	0.0%	127,4 tỷ đ	+7,9%	82%
SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HOSE	271,6 tỷ đ	+18,97%	79.4%	LNST: 83 tỷ đ	+24,4%	118%
TNA	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam	HOSE	2772 tỷ đ	-3,6%	60.8%	LNTT: 66,6 tỷ đ	-24,6%	37%
TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	HNX	191,4 tỷ đ	+38,9%	81.3%	LNST: 11,1 tỷ đ	+5,7%	44%
VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	321,5 tỷ đ	+28,7%	68.6%	LNST: 76 tỷ đ	-6,1%	53%
VTB	Công ty Cổ phần VIETTRONICS Tân Bình	HOSE	417,4 tỷ đ	-30,1%	50.9%	LNTT: 15,1 tỷ đ	+31,3%	69%
VTX	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Viettranstimex	UPCoM	161.1 tỷ đ	+54,6%	46.0%	LNTT: 114,4 triệu đ	-98%	0%
BXH	Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	HNX	162,1 tỷ đ	+22%	85.6%	LNTT: 2,5 tỷ đ	-39%	38%
CKV	Công ty Cổ phần COKYVINA	HNX	160,6 tỷ đ	+50,5%	83.8%	LNST: 2,7 tỷ đ	-25%	56%
DNC	Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng	HNX	216,4 tỷ đ	+31,6%	86.6%	LNTT: 15,4 tỷ đ	+58,8%	106%
HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	HNX	579,6 tỷ đ	+18,9%	86.7%	LNST: 31,4 tỷ đ	+13,4%	128%
MPT	Công ty Cổ phần May Phú Thành	HNX	84,6 tỷ đ	+17,2%	60.4%	LNST: 6 tỷ đ	+6,7%	54%
PV2	Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	HNX	13,4 tỷ đ	-25%	39.7%	LNTT: 11,7 tỷ đ	+1850%	65%
V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	HNX	404,3 tỷ đ	+9,3%	61.7%	LNST: 5,7 tỷ đ	-20%	66%
CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	517,4 tỷ đ	+17,7%	75.9%	LNTT: 150,2 tỷ đ	+20,5%	84%
DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp.Đà Nẵng	HNX	53,5 tỷ đ	-17,7%	83.6%	LNTT: 5,7 tỷ đ	+1,8%	104%
GLT	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	HNX	60,4 tỷ đ	-16,3%	30.2%	LNST: 5,9 tỷ đ	-73,5%	24%
SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	HNX	32,4 tỷ đ	+0,9%	65.1%	LNST: 12,24 tỷ đ	+22,4%	68%
TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	HNX	501,8 tỷ đ	+27%	68.7%	LNTT: 6,5 tỷ đ	+183%	30%
VE9	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng VNECO 9	HNX	31,2 tỷ đ	-38,9%	31.0%	LNTT: -8,2 tỷ đ	-91,5%	-95%
DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HOSE	4.383 tỷ đ	+62,6%	93.2%	LNST: 78,3 tỷ đ	+37,8%	77,5%


LỊCH SỰ KIỆN

MÃ	TÊN CÔNG TY	MÔ TẢ SỰ KIỆN	NGÀY GDKHQ	NGÀY THANH TOÁN	
SCR	Sacomreal	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	23/10/2018	-	Chi tiết
SVL	Nhân lực quốc tế Savilaco	Trả cổ tức 400 đồng/cp	23/10/2018	08/11/2018	Chi tiết
CEG	XD và thiết bị công nghiệp	Trả cổ tức 250 đồng/cp	23/10/2018	09/11/2018	Chi tiết
TNA	XNK Thiên Nam	Phát hành cổ phiếu, tỷ lệ 100:139	24/10/2018	-	Chi tiết
S4A	Thủy điện Sê San 4A	Trả cổ tức 1600 đồng/cp	24/10/2018	05/11/2018	Chi tiết
VLC	Chăn nuôi Việt Nam	Trả cổ tức 1300 đồng/cp	24/10/2018	22/11/2018	Chi tiết
DPR	Cao su Đồng Phú	Trả cổ tức 3000 đồng/cp	24/10/2018	30/11/2018	Chi tiết
ITS	Thương mại và DV- Vinacomin	Trả cổ tức 80 đồng/cp	25/10/2018	05/11/2018	Chi tiết
DTH	Vật tư Y tế Thanh Hóa	Trả cổ tức 1200 đồng/cp	25/10/2018	12/11/2018	Chi tiết
DAH	Tập đoàn Khách sạn Đông Á	Trả cổ tức 600 đồng/cp	25/10/2018	15/11/2018	Chi tiết
PHC	Phục Hưng Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	26/10/2018	-	Chi tiết
DNC	Điện nước Hải Phòng	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:19	29/10/2018	-	Chi tiết
		Phát hành cổ phiếu, tỷ lệ 100:11	29/10/2018	-	
SMA	Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	Trả cổ tức 500 đồng/cp	29/10/2018	16/11/2018	Chi tiết
TDC	Becamex TDC	Trả cổ tức 1100 đồng/cp	29/10/2018	22/11/2018	Chi tiết
GMX	Gạch ngói Mỹ Xuân	Trả cổ tức 1500 đồng/cp	31/10/2018	29/11/2018	Chi tiết
KHA	Đầu tư và dịch vụ Khánh Hội	Trả cổ tức 1500 đồng/cp	01/11/2018	14/11/2018	Chi tiết
GKM	Gạch Khang Minh	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	02/11/2018	-	Chi tiết

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính

Số 52 Lạc Long Quân, Phường
Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.24) 37737070 / 6271 7171
Fax: (84.24) 37739058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times
Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm,
Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.28) 62908686
Fax: (84.28) 62910607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng

100 Quang Trung, P.Thạch Thang, Quận
Hải Châu TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (84.236) 3553666
Fax: (84.236) 3553888